

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Số: 312-2023/HĐ-MĐC-NK

Gói thầu: “Mua sắm thiết bị ngành Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai”

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH12 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/10/2013;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH10 ngày 14/6/2005;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 05/7/2019 về Luật thương mại;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1951/QĐ-MĐC ngày 26/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm thiết bị ngành Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai”.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ: Số 18, Phố Viên, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04.38363508 Fax: 04.37525251

Tài khoản số: 3713.0.1055493

Tại: Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

Mã số thuế : 0101689386

Đại diện là ông: **Trần Thanh Hải**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ NGUYỄN KIM

Địa chỉ: Mai Nội - Mai Đình - Sóc Sơn - Hà Nội

Điện thoại: 024 22459594 - 0971511123

E-mail: thietbidodac.vn@gmail.com

Tài khoản: 557208888

Tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) Chi nhánh Trần Duy Hưng – Hà Nội

Mã Citad: 01307001

Mã số thuế: 0103672973

Đại diện là ông: **Nguyễn Kim Lai**

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng và phạm vi cung cấp hàng hóa

Bên A giao, bên B nhận cung cấp hàng hóa thực hiện gói thầu "Mua sắm thiết bị ngành Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai".

(Nội dung chi tiết tại bản phụ lục hợp đồng số 01 kèm theo đây là một phần không tách rời và là tài liệu của hợp đồng)

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là bên A)

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 4 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu (Sau đây gọi tắt là bên B)

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: 345.600.000đ (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Số lần thanh toán: Thanh toán 01 lần.

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng là 345.600.000đ (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) sau khi hai bên nghiệm thu bàn giao thiết bị, ký nghiệm thu thanh lý hợp đồng, bên B thực hiện bảo lãnh bảo hành và các thủ tục thanh quyết toán theo quy định.

- Tài khoản nhận thanh toán: 557208888 tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Hà Nội.

Điều 5. Hình thức hợp đồng

Trọn gói.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

2 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá trị hợp đồng tương đương 6.912.000 VNĐ (Sáu triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian hiệu lực của hợp đồng cộng với 10 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 1 ngày kể từ ngày hai bên ký kết Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa (như phụ lục kèm theo) và giao các tài liệu, chứng từ theo tiến độ nêu trong hợp đồng.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:

- Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao và hướng dẫn sử dụng tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Địa chỉ: Số 18 - Phố Viên - Đức Thắng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm theo thỏa thuận 2 bên. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 12. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành tương đương 2% tổng giá trị hợp đồng.

2. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

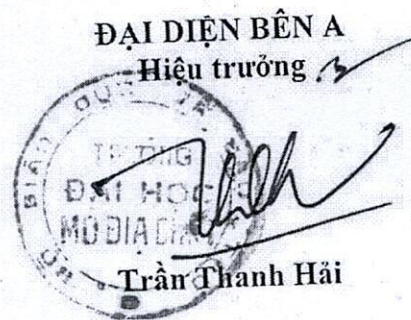
- Hàng hóa được bảo hành theo trong thời hạn 24 tháng từ ngày giao hàng.
- Trường hợp hàng hoá kém chất lượng hoặc bị sự cố trong thời gian bảo hành, bên B sẽ hỗ trợ kỹ thuật online cho bên A, trường hợp không giải quyết được thì hàng hóa sẽ được Bên B nhận lại để sửa chữa hoặc thay mới (miễn phí).
- Điều khoản này không áp dụng đối với những hỏng hóc do lỗi người sử dụng gây ra và do các điều kiện bất khả kháng gây ra như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, chiến tranh, đình công và những hao mòn mang tính tự nhiên.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành 06 bộ. Chủ đầu tư giữ 04 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC THIẾT BỊ
(Kèm theo Hợp đồng Số: 312-2023/HĐ-MDC-NK ngày 04/12/2023)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy định vị vệ tinh 183 GNSS, hiệu CHC	Thông số kỹ thuật chung Tín hiệu vệ tinh GNSS - 1408 kênh với tín hiệu vệ tinh - GPS: L1C, A, L2C, L2P(Y), L5 - GLONASS: L1, L2, L3* - GALILEO: E1, E5a, E5b, E6* - BEDOU: B1I, B2I, B3I, B1C, B2a, B2b - SBAS: L1, L5 - QZSS: L1, L2, L5, L6* - NavIC/ IRNSS: L5* - PPP: B2b-PPP Độ chính xác + Đo động thời gian thực (RTK) - Mặt bằng: 8 mm+1ppm RMS - Độ cao: 15 mm+1ppm RMS - Thời gian khởi đo < 10s - Độ tin cậy > 99.9% + Đo động xử lý sau (PPK) - Mặt bằng: 3 mm+1ppm RMS - Độ cao: 5 mm+1ppm RMS + Đo tĩnh độ chính xác cao	9015	China	Bộ	04	86.400.000	345.600.000

						- Mặt bằng : 2.5 mm + 0.1 ppm RMS - Độ cao : 3.5 mm + 0.4 ppm RMS + Đo tĩnh - Mặt bằng : 2.5 mm+0.5 ppm RMS - Độ cao : 5 mm+0.5 ppmRMS + Đo đơn - Sai số mặt bằng : 1.5m RMS - Sai số độ cao : 2.5m RMS + Tốc độ tín hiệu - 1Hz, 5Hz, 10Hz và 50Hz - Tốc độ lấy mẫu lên đến 200 Hz + Thời gian Fixed - Khởi động lại < 10s + Lúc đầu - Thu nhận tín hiệu < 1s Phần cứng + Kích thước (LxWxDH): Φ152mm x 78mm + Trọng lượng: 1.15kg bao gồm pin + Môi trường làm việc - Vận hành : -40 °C đến +65°C - Bộ nhớ : -40°C đến +85°C Chống ẩm: 100% + Tiêu chuẩn bảo vệ: IP67, chống nước ở độ sâu 1m trong một khoảng thời gian nhất định
--	--	--	--	--	--	--

	+ Chống sốc: Chịu được va đập xuống nền bê tông từ độ cao 2 mét Cảm biến bù nghiêng: 60° Kết nối và Thu nhận dữ liệu + Modem mạng - Tích hợp Module Internet 4G - LTE (FDD): B1, B2, B3, B5, B7, B8, B20 - DC-HSPA+/HSPA+/HSPA/UMTS: B1, B2, B5, B8 - EDGE/GPRS/GSM - 850/900/1800/1900MHz + Wi-Fi/NFC - 802.11b/g/n, access point mode + Bluetooth - V4.2 + Cổng - 1× USB Type – C port (Data download, Charging) - 1 × UHF Antenna port (TNC Female) + UHF radio - Radio trong RX: 410 đến 470 MHz - Giao thức: CHC, Transparent, TT 450 - Tốc độ đường truyền: 9600 đến 19200bps - Phạm vi: từ 3 km đến 5 km, tới 15 km với điều kiện tối ưu
--	---

